

Bản án số: 103/2017/KDTM-ST

Ngày: 25-9-2017.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 44/2016/TLST-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2017/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà VBB, số 5 Công trường L, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Trần Phát H, sinh năm 1976 - chức vụ Phó Trưởng phòng kinh doanh dịch vụ thẻ - là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (Giấy ủy quyền số 132/UQ-HCM.TH ngày 11/5/2016) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ trụ sở: 29 Lô M, đường số 3, khu dân cư M, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Thanh S sinh năm 1976 – chức vụ Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1978; địa chỉ: 39 đường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số 11.3 tầng

11, Block C, khu căn hộ mới G, tổ 20, khu phố 7, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 20/5/2013, Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng) phát hành thẻ tín dụng AMEX số A0739608 cho Công ty TNHH V với tổng hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Người đứng tên sử dụng thẻ là ông Nguyễn Thanh S, chức vụ Giám đốc Công ty – là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thẻ tín dụng Quốc tế trên được Công ty sử dụng nhưng không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã gửi Thông báo nhắc nợ vào các ngày 18/9/2015, 13/10/2015, 14/3/2016 và gọi điện thoại nhiều lần nhưng Công ty vẫn không thanh toán. Tổng số tiền nợ ghi trong việc sử dụng thẻ của Công ty V tính đến ngày 25/9/2017 là 64.849.981đ (sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi một đồng) trong đó bao gồm: nợ gốc 19.663.958đ (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi tám đồng), tiền lãi trong hạn 9.066.747đ (chín triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), phí phạt chậm trả 29.877.535đ (hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng), phí vượt hạn mức 6.241.741đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng).

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Công ty V có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật phải thanh toán tổng số tiền trên là một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Ngoài ra, kể từ ngày 25/9/2017 Công ty TNHH V có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/5/2013 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn là Công ty V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông S đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2017/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2017/QĐST-HPT ngày 07/9/2017 nhưng Công ty V và ông S vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty V và ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty V có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật phải trả số tiền còn nợ lại theo Bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/5/2013 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Sở kế hoạch đầu tư Tp.HCM tại Công văn số 10066/PĐKKD-KT ngày 05/8/2016 thì bị đơn là Công ty TNHH V có địa chỉ trụ sở tại 29 Lô M đường số 3, khu dân cư M, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015.

2. Về hình thức:

Đối với bị đơn là Công ty TNHH V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh S mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Bản yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/5/2013 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và bị đơn Công ty TNHH V và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngân hàng TMCP X có phát hành thẻ tín dụng loại Công ty (loại thẻ Công ty tín chấp) cho Công ty TNHH V – cấp cho ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật của Công ty với hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Sau khi phát hành thẻ, Công ty TNHH V đã sử dụng thẻ nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, còn nợ lại Ngân hàng tính đến ngày 25/9/2017 với tổng số tiền: 64.849.981đ (sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi một đồng) trong đó bao gồm: nợ gốc 19.663.958đ (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi tám đồng), tiền lãi trong hạn 9.066.747đ (chín triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), phí phạt chậm trả 29.877.535đ (hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi

bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng), phí vượt hạn mức 6.241.741đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nhận định như trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X về việc buộc bị đơn Công ty TNHH V có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật phải thanh toán số tiền tính đến ngày 25/9/2017 là 64.849.981đ (sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi một đồng) trong đó bao gồm: nợ gốc 19.663.958đ (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi tám đồng), tiền lãi trong hạn 9.066.747đ (chín triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), phí phạt chậm trả 29.877.535đ (hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng), phí vượt hạn mức 6.241.741đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 02/9/2017, Công ty TNHH V còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/5/2013 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế, kể từ ngày 26/9/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc, lãi, phí nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

- Buộc Công ty TNHH V có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc và số tiền lãi, số tiền phí tính đến ngày 25/9/2016, tổng cộng là 158.594.304đ (một trăm năm mươi tám triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm 64.849.981đ (sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm tám mươi một đồng) trong đó bao gồm: nợ gốc 19.663.958đ (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi tám đồng), tiền lãi trong hạn 9.066.747đ (chín triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), phí phạt chậm trả 29.877.535đ (hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng), phí vượt hạn mức 6.241.741đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng). Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 26/9/2017 Công ty TNHH V có ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo pháp luật còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/5/2013 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH V phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.242.499đ (ba triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng).

Ngân hàng TMCP X không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là

1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0009510 ngày 17/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngân hàng TMCP X được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH V và ông Nguyễn Thanh S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Chí Hiếu